

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa
2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Phạm Thật – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công KH vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu Xóm G, xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: chị Thân Thị H - Sinh năm 1998

Địa chỉ: Khu Xóm G, xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị H kết hôn với nhau ngày 20/11/2016, khi kết hôn có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh X, sinh ngày 07/02/2017. Hiện cháu Xuân đang sinh sống cùng anh H. Ly hôn anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 09/10/2020, chị Thân Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H tự nguyện kết hôn ngày 20/10/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh H. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2018. Nay anh H xin ly hôn, chị nhất trí vì vợ chồng chị không hợp nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh Xuân, hiện cháu đang ở với bố. Nếu ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

- + Về điều luật áp dụng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình

- + Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữ anh H và chị H vì anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, mục đích hôn nhân của anh H và chị H không đạt được.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao con chung là cháu Nguyễn Thanh X cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng do hiện nay chị H không có mặt tại địa phương, anh H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: anh H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn và về con chung giữa anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh H và chị H đều có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo giấy triệu tập và trình bày quan điểm về nội dung vụ việc, sau đó chị H đã đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ. Tòa án đã báo gọi, niêm yết văn bản tố tụng nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được. Mặc dù chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa, chị H vắng mặt lần thứ H mà không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Văn H và chị Thân thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 04/10/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh H và chị H đã sống ly thân kể từ tháng 2/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã X nơi vợ chồng anh H, chị H sinh sống có xác định địa phương không tiến hành hòa giải do các bên không đề nghị địa phương hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng anh H, chị H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

việc anh H và chị H đều có quan điểm thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị H thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh X, sinh ngày 07/02/2017. Anh H và chị H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu X đang ở cùng anh H do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương cho biết, cháu X được anh H chăm sóc tốt. Chị H không có mặt tại địa phương. Vì vậy xét cần giao cháu X cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức: H bên đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 55, 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Thân Thị H

2. *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh X, sinh ngày 07/02/2017 kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu X thành niên (đủ mười tám tuổi); Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003732 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có mặt có quyền kháng cáo; chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án

hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh, huyện CK;
- Đường sự;
-Chi cục THADS h Cẩm Khê;
-UBND xã X;
-Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

